

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2018

I. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH ĐẾN 31/12/2017 (Số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY ACA).

Bảng cân đối kế toán
Tại ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	31/12/2017	01/01/2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	144.593.016.653	144.768.625.280
110	I. Tiền và tương đương tiền	7.006.768.296	10.816.725.381
111	1. Tiền	7.006.768.296	10.816.725.381
112	2. Các khoản tương đương tiền		
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	79.495.892.289	77.480.982.666
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	64.203.276.204	68.894.630.389
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	11.842.159.090	2.280.564.353
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	3.450.546.995	6.305.787.924
140	IV. Hàng tồn kho	57.830.175.203	54.964.673.036
141	1. Hàng tồn kho	57.830.175.203	54.964.673.036
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	260.090.865	1.506.244.197
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.309.067.411
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	260.090.865	197.176.786
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	83.879.360.751	89.750.640.962
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	148.000.000	48.000.000
216	6. Phải thu dài hạn khác	148.000.000	48.000.000
220	II. Tài sản cố định	74.545.101.032	82.945.139.149
221	1. Tài sản cố định hữu hình	73.126.626.037	81.484.164.150
222	- Nguyên giá	143.225.588.279	138.699.685.578
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(70.098.962.242)	(57.215.521.428)
227	2. Tài sản cố định vô hình	1.418.474.995	1.460.974.999
228	- Nguyên giá	1.471.600.000	1.471.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế	(53.125.005)	(10.625.001)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		131.817.818
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		131.817.818
260	VI. Tài sản dài hạn khác	9.186.259.719	6.625.683.995
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9.186.259.719	6.625.683.995
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	228.472.377.404	234.519.266.242

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	31/12/1017	01/01/2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	145.378.457.190	156.143.400.570
310	I. Nợ phải trả	115.881.818.282	115.268.556.862
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	49.135.750.181	48.644.418.700
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10.746.085.977	310.729.128
313	3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	970.850.104	996.219.560
314	4. Phải trả người lao động	5.363.926.309	5.707.944.614
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	4.417.944.981	5.103.648.920
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	6.400.215.487	6.010.737.884
320	10. vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	38.257.495.283	48.417.722.026
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	589.549.960	77.136.030
330	II. Nợ dài hạn	29.496.638.908	40.874.843.708
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	29.186.522.674	39.717.782.674
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	310.116.234	1.157.061.034
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	83.093.920.214	78.375.865.672
410	I. Vốn chủ sở hữu	82.152.817.403	77.379.024.229
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	61.438.100.000	58.513.100.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	61.438.100.000	58.513.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	2.223.600.000	2.223.600.000
418	8. Quỹ đầu tư phát triển	10.090.810.784	8.590.810.784
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.400.306.619	8.051.513.445
421a	- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	203.445	
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	8.400.103.174	8.051.513.445
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	941.102.811	996.841.443
431	1. Nguồn kinh phí	(207.864.997)	(207.864.997)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	1.148.967.808	1.204.706.440
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	228.472.377.404	234.519.266.242

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ.	370.009.396.508	387.035.335.640
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	4.041.814.160	5.252.149.889
10	3. DT thuần về bán hàng và cc dịch vụ	365.967.582.348	381.783.185.751
11	4. Giá vốn hàng bán	274.905.452.671	290.962.438.647
20	5. LN gộp về bán hàng và CC dịch vụ	91.062.129.677	90.820.747.104
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	111.606.527	84.078.107
22	7. Chi phí tài chính	6.540.179.755	6.881.548.866
23	- Trong đó chi phí lãi vay	6.507.535.236	6.839.938.525
25.	8. Chi phí bán hàng	57.211.146.289	55.512.583.311
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.712.313.332	19.516.804.355
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	10.710.096.828	8.993.888.679
31	11. Thu nhập khác	128.523.093	869.690.277
32	12. Chi phí khác	523.690.238	199.042.940
40	13. Lợi nhuận khác	(395.167.145)	670.647.337
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.314.929.683	9.664.536.016
51	15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.914.826.509	1.554.609.448
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	8.400.103.174	8.109.926.568

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 2017

Năm 2017, tình hình tài chính lành mạnh, đảm bảo tốt nhu cầu vốn cho hoạt động SXKD ổn định, phát triển, bảo toàn vốn và kinh doanh có lãi, chi tiêu, đầu tư xây dựng mua sắm tài sản đúng chế độ quản lý tài chính. Trả nợ vốn vay đầu tư đúng tiến độ, đảm bảo công ăn việc làm, đóng nộp BHXH cho người lao động, nộp ngân sách đầy đủ. Phát hành thành công 292.500 cổ phiếu ESOP đưa vốn góp của chủ sở hữu lên 61,438 tỷ.

Tuy nhiên năm 2017, hiệu quả SXKD chưa cao, trong năm còn tập trung khấu hao tài sản để thu hồi vốn đầu tư, tập trung phát triển mở rộng mạng lưới phân phối làm chi phí tăng cao. Hoạt động kinh doanh các Chi nhánh ngoại tỉnh chưa có tích lũy cần phải hỗ trợ từ Công ty. Công tác thu hồi công nợ chậm, dự trữ NVL bao bì khá cao, công tác kiểm tra giám sát còn hạn chế.

BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ESOP

1. Cổ phiếu dự kiến phát hành.

Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 292.500 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Ngày kết thúc thu tiền mua cổ phiếu 24/11/2017.

2. Kết quả phát hành

Số lượng cổ phiếu đã phân phối 292.500 cổ phiếu tương đương 5 % vốn điều lệ.

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Ngày kết thúc thu tiền mua cổ phiếu 24/11/2017

Số lao động được phân phối 71 người.

Tổng số cổ phiếu hiện tại 6.143.810 cổ phiếu

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ:

Tổng giá trị	4.238.000.000
Xây nhà sản xuất mỹ phẩm.	1.252.000.000
Máy móc thiết bị sản xuất	2.383.000.000
Xe vận tải	603.000.000

Tính đến ngày 31/12/2017 đã trả nợ gốc vốn vay đầu tư nhà máy đồng được: 25 tỷ đồng.

Đến 31/12/2017 vốn vay đầu tư nhà máy tại ngân hàng Vietcombank còn nợ 25 tỷ.

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, CHIA CỔ TỨC 2017.

	8.400.103.174
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	1.500.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	700.000.000
Chi trả cổ tức cho cổ đông (10%/năm) bằng cổ phiếu	6.143.810.000

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2018.

Đáp ứng tốt nhu cầu vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư, tăng cường kiểm soát rủi ro, đặc biệt là kiểm soát tài sản, hàng hóa vật tư, công nợ tiền vốn trong toàn Công ty một cách chặt chẽ nhất là tại các Chi nhánh nhằm bảo toàn vốn và kinh doanh có hiệu quả. Xây dựng định mức chi phí sát đúng và kiểm soát chi phí tất cả ở các khâu, bộ phận Chi nhánh nhằm đảm bảo tiết kiệm, Xây dựng chính sách trả lương, thưởng để làm đòn bẩy kích thích.

Thực hiện tốt các chế độ chính sách về quản lý kinh tế.

Trả nợ gốc và lãi vốn vay đầu tư đúng theo tiến độ. Nộp BHXH, BHYT, BHTN và các chính sách chế độ cho người lao động đầy đủ, kịp thời.

Huy động vốn đầu tư cơ sở, máy móc thiết bị, nhà xưởng tăng năng lực sản xuất, đầu tư chi phí cho phát triển mạng lưới phân phối đặc biệt là thị trường ngoại tỉnh.

Phát hành 300.000 cổ phiếu ESOP cho người lao động trong Công ty và trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2018.

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2018.

Tổng doanh thu bán hàng	400.000.000.000
- Trong đó doanh thu bán hàng SX	300.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	15.000.000.000
Chi trả cổ tức năm bằng cổ phiếu	10 %
Nộp ngân sách nhà nước	10.000.000.000
Thu nhập bình quân người/tháng	7.500.000

Công tác đầu tư:

Đầu tư xây dựng cơ sở làm việc cho khối kỹ thuật sản xuất: 15 tỷ đồng

Xây dựng dây chuyền sản xuất viên nang mềm: 15 tỷ đồng.

Mua đất xây dựng cơ sở Chi nhánh tại TP HCM. 10 tỷ đồng

Mua bổ sung máy móc, thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất.

Nguồn vốn huy động:

- Vay ngân hàng thương mại 30 tỷ.
- Vốn huy động cổ đông: 10 tỷ

ĐỊNH HƯỚNG TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2022.

CHỈ TIÊU	ĐẾN 31/12/2022
Tổng doanh thu bán hàng	800.000.000.000
- Trong đó doanh thu bán hàng SX	700.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	40.000.000.000
Chi trả cổ tức năm bằng cổ phiếu	10 -15 %
Nộp ngân sách nhà nước	18.000.000.000
Thu nhập bình quân người/tháng	10 triệu

- Phát hành 5% cổ phiếu ESOP từ năm 2018 đến 2021.

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ năm 2018 đến 2021.

- Phát hành cổ phiếu huy động vốn đầu tư xây dựng đưa tổng giá trị vốn góp của cổ đông vào năm 2022 lên 180 tỷ đồng.

- Định hướng đưa cổ phiếu HDP lên sàn giao dịch HNX.

- Tiếp tục đầu tư dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị tăng năng lực sản xuất, đầu tư cơ sở các chi nhánh ngoại tỉnh, phương tiện vận tải...

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Đăng Phát